

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬT TƯ KỸ THUẬT
NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	6 - 9
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	11 - 12
6. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	13 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ theo Quyết định số 2500/QĐ-CT.UB ngày 25 tháng 7 năm 2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Cần Thơ (nay là UBND thành phố Cần Thơ). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800518314, đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 7 năm 2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 20 tháng 10 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Bán nông sản (Gạo, tinh bột sắn,...) và cho thuê văn phòng, nhà xưởng.

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Hoài	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 10 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 10 năm 2022
Bà Bùi Thanh Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Trọng Thanh	Thành viên độc lập	Tái bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Nga	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Ông Phan Minh Sáng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Bà Tường Thị Thu Hạnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Ông Đỗ Thế Cao	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2021
Ông Phạm Ngọc Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Bà Phạm Thị Thương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Hồng Anh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Bà Trần Thị Minh Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022

Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Bà Võ Thị Hồng Thắm	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 9 năm 2022
Ông Chu Thanh Quân	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 9 năm 2022
Bà Lê Thị Thương	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Trang	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2022

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

- Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt – Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ông Chu Thanh Quân – Tổng Giám đốc (đến ngày 19 tháng 10 năm 2022).
- Bà Nguyễn Thị Hoài – Chủ tịch Hội đồng quản trị và Bà Võ Thị Hồng Thắm – Tổng Giám đốc (từ ngày 20 tháng 10 năm 2022).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Võ Thị Hồng Thắm

Ngày 30 tháng 3 năm 2023

Số: 2.0289/23/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2023, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 15 tháng 02 năm 2022.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C Chi nhánh Hà Nội



Vũ Minh Khôi – Thành viên Ban Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2897-2020-008-1
Người được ủy quyền
Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2023



Vũ Tuấn Nghĩa - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 4028-2022-008-1

11 2 7 K P 2 011

C.T.Đ.
HẠN
VĂN
HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		874.964.717.586	274.094.534.297
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1	565.976.925	300.722.279
1. Tiền		111		565.976.925	300.722.279
2. Các khoản tương đương tiền		112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		120		2.706.125.000	41.957.099.621
1. Chứng khoán kinh doanh		121	V.2a	6.125.000.000	44.896.212.121
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		122	V.2a	(5.418.875.000)	(4.939.112.500)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		123	V.2b	2.000.000.000	2.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		856.724.389.291	216.971.568.270
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		131	V.3	146.194.008.920	40.475.852.133
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		132	V.4	6.305.715.631	6.305.715.631
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác		136	V.5a	738.965.874.716	186.656.259.756
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		137	V.6	(34.741.209.976)	(16.466.259.250)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý		139		-	-
IV. Hàng tồn kho		140		-	-
1. Hàng tồn kho		141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		14.968.226.370	14.865.144.127
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151		5.836.836	4.172.848
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		14.962.389.534	14.860.971.279
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.352.799.789.471	1.383.948.150.797
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	75.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	-	75.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		6.700.372.935	7.649.951.775
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	1.089.578.852	2.039.157.692
<i>Nguyên giá</i>	222		18.555.544.263	18.555.544.263
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(17.465.965.411)	(16.516.386.571)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	5.610.794.083	5.610.794.083
<i>Nguyên giá</i>	228		5.610.794.083	5.610.794.083
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	V.9	71.280.104.730	71.652.812.923
<i>Nguyên giá</i>	231		77.467.647.516	77.840.355.709
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(6.187.542.786)	(6.187.542.786)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.274.813.744.556	1.304.547.052.151
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2c	1.353.182.509.962	1.351.428.220.846
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	-	23.680.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	(78.368.765.406)	(70.561.168.695)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.567.250	23.333.948
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		5.567.250	23.333.948
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.227.764.507.057	1.658.042.685.094

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		61.514.475.382	114.111.136.361
I. Nợ ngắn hạn	310		61.514.475.382	114.111.136.361
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	6.917.300.345	7.410.060.095
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		47.067.013	47.067.013
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	2.670.587.592	2.250.243.422
4. Phải trả người lao động	314		58.221.000	129.722.467
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	-	1.808.219.178
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	49.551.185.178	193.709.932
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	-	100.000.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.270.114.254	2.272.114.254
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

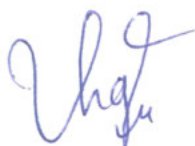
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.166.250.031.675	1.543.931.548.733
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	2.166.250.031.675	1.543.931.548.733
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.968.589.250.000	1.476.480.840.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.968.589.250.000	1.476.480.840.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		36.788.854.106	37.132.054.106
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.350.353.698	2.350.353.698
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		127.728.500	127.728.500
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		158.393.845.371	27.840.572.429
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		27.840.572.429	(10.499.419.648)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		130.553.272.942	38.339.992.077
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.227.764.507.057	1.658.042.685.094

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Tâm

Kế toán trưởng



Lê Thị Thương

Lập, ngày 30 tháng 3 năm 2023

Giám đốc




Võ Thị Hồng Thắm

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	322.419.554.646	131.946.238.850
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		322.419.554.646	131.946.238.850
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	320.736.590.110	125.212.671.731
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.682.964.536	6.733.567.119
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	185.926.341.210	15.900.087.817
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	34.146.447.646	(21.150.209.512)
Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.557.970.963	1.878.804.637
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	325.063.167	1.436.563.348
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	21.808.682.657	440.001.797
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		131.329.112.276	41.907.299.303
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.905.045.607	11.404.661
12. Chi phí khác	32		18.342.904	2.266.786
13. Lợi nhuận khác	40		1.886.702.703	9.137.875
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		133.215.814.979	41.916.437.178
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.11	2.662.542.037	3.576.445.101
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>130.553.272.942</u>	<u>38.339.992.077</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Tâm

Kế toán trưởng

Lê Thị Thương

Lập, ngày 30 tháng 3 năm 2023



Võ Thị Hồng Thắm

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01		133.215.814.979	41.916.437.178
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7	949.578.840	958.719.710
- Các khoản dự phòng	03	VI.4; 6	26.562.309.937	(36.545.827.569)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	594.638.144	93.899.472
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(140.310.854.023)	(176.944.153)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	3.557.970.963	1.878.804.637
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		24.569.458.840	8.125.089.275
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(658.443.315.816)	(150.009.389.858)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	3.921.115.581
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		48.586.576.649	1.374.426.710
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		16.102.710	20.509.968
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		38.771.212.121	33.653.744.879
- Tiền lãi vay đã trả	14		(5.366.190.141)	(72.801.052)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.11	(2.241.085.637)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.000.000)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		<u>(554.109.241.274)</u>	<u>(102.987.304.497)</u>
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		2.277.753.800	3.144.200.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2c	(160.037.500.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		198.606.077.400	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		121.762.941.901	182.072.920
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		<u>162.609.273.101</u>	<u>3.326.272.920</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠĐịa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.15	491.765.210.000			-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-			-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.14	80.170.720.000			100.000.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.14	(180.170.720.000)			(3.675.870.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-			-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-			-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>391.765.210.000</i>			<i>96.324.130.000</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		265.241.827			(3.336.901.577)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	300.722.279			3.634.000.977
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		12.819			3.622.879
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	565.976.925			300.722.279

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Tâm

Kế toán trưởng



Lê Thị Thương

Lập, ngày 30 tháng 3 năm 2023

Lưu Giám đốc



Vũ Thị Hồng Thắm

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Bán nông sản (Gạo, tinh bột sắn,...) và cho thuê văn phòng, nhà xưởng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Lợi nhuận trong năm của Công ty chủ yếu đến từ hoạt động tài chính, bao gồm lãi hợp tác đầu tư, lãi thanh lý các khoản đầu tư và cổ tức được chia từ Công ty con (xem thêm thuyết minh VI.3).

6. Cấu trúc

6a. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con cấp 1

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu miền Tây (“WFC”) ⁽ⁱ⁾	KCN Cái Sơn Hàng Bàng, đường Hoàng Quốc Việt, KV4, phường An Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Chế biến, nhập xuất khẩu nông sản	45,00%	45,00%	45,00%
Công ty Cổ phần Hạt giống TSC	1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Kinh doanh hạt giống	57,63%	57,63%	98,68%
Công ty Cổ phần FIT Consumer (“FC”) ⁽ⁱⁱ⁾	1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Kinh doanh hàng tiêu dùng	72,84%	79,11%	83,73%
Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Nông Tín	276 Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất, kinh doanh hạt giống	77,67%	77,67%	77,67%

⁽ⁱ⁾ Mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty trong WFC ít hơn 50% nhưng Công ty vẫn có 3/5 thành viên Hội đồng quản trị tại Công ty này và có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp Hội đồng quản trị. Do vậy WFC bị Công ty kiểm soát và khoản đầu tư vào WFC được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty con” trên Báo cáo tài chính.

⁽ⁱⁱ⁾ Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết tại FC bao gồm cả tỷ lệ nắm giữ gián tiếp tại Công ty Cổ phần Hạt giống TSC.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 785 Trần Xuân Soạn, phường Tân Hưng, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ tại Hà Nội	Tầng 5, tòa Times Tower – HACC 1 Complex Building, số 35 Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

6b. Cấu trúc Nhóm Công ty

Ngoài các Công ty con cấp 1 đã nêu ở mục 6a, Nhóm Công ty còn bao gồm các công ty con cấp 2 và công ty liên kết của Công ty con, như sau:

Các Công ty con cấp 2

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Westfood Hậu Giang ⁽ⁱⁱ⁾	KCN Sông Hậu – Giai đoạn 1, xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	Chế biến nông sản	98,00%	44,10%	98,00%
Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa ⁽ⁱⁱⁱ⁾	Xã Diên Tân, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa	Sản xuất đồ uống không cồn và kinh doanh dịch vụ	95,53%	75,58%	95,53%

⁽ⁱⁱ⁾ Là công ty con của Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu miền Tây

⁽ⁱⁱⁱ⁾ Là công ty con của Công ty Cổ phần FIT Consumer

Công ty liên kết

Công ty liên kết của công ty con là Công ty Cổ phần FIT Cosmetics (Công ty liên kết của Công ty Cổ phần FIT Consumer) có trụ sở chính tại 276 Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là nhập khẩu và phân phối hàng tiêu dùng. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp và tỷ lệ quyền biểu quyết của Nhóm Công ty tại công ty liên kết này là 49,00%, tỷ lệ lợi ích là 38,77%.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức bằng tiền của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức bằng tiền của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Đối với cổ phiếu không niêm yết, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của Công ty được đầu tư, mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác: Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ. Công cụ dụng cụ đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	16
Máy móc và thiết bị	03 – 07

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất, là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

12. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	581.037	8.439.526
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	565.395.888	292.282.753
Cộng	<u>565.976.925</u>	<u>300.722.279</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Chứng khoán kinh doanh

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Cổ phiếu sàn UPCOM	6.125.000.000	(5.418.875.000)	6.125.000.000	(4.939.112.500)
Cổ phiếu chưa niêm yết ⁽ⁱ⁾	-	-	38.771.212.121	-
Cộng	<u>6.125.000.000</u>	<u>(5.418.875.000)</u>	<u>44.896.212.121</u>	<u>(4.939.112.500)</u>

⁽ⁱ⁾ Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phiếu chưa niêm yết, lãi chuyển nhượng 24.023.787.879 VND (xem thuyết minh VI.3).

Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết sàn UPCOM tại ngày 31/12/2022 là 706.125.000 VND (số đầu năm: 1.185.887.500 VND), được xác định theo giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội công bố.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (là cổ phiếu Upcom) như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	4.939.112.500	5.323.500.000
Trích lập dự phòng bổ sung/(Hoàn nhập dự phòng)	479.762.500	(384.387.500)
Số cuối năm	<u>5.418.875.000</u>	<u>4.939.112.500</u>

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân với lãi suất 4,9%/năm, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	1.353.182.509.962	(78.368.765.406)	1.351.428.220.846	(70.561.168.695)
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu miền Tây ⁽ⁱ⁾	140.028.009.962	-	298.311.220.846	-
Công ty Cổ phần Hạt giống TSC ⁽ⁱⁱ⁾	109.500.000.000	(2.442.588.667)	109.500.000.000	(4.224.871.789)
Công ty Cổ phần FIT Consumer ⁽ⁱⁱⁱ⁾	1.063.537.500.000	(55.976.555.746)	903.500.000.000	(47.023.220.308)
Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Nông Tín ^(iv)	40.117.000.000	(19.949.620.993)	40.117.000.000	(19.313.076.598)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	23.680.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Trồng Đồng ^(v)	-	-	23.680.000.000	-
Cộng	1.353.182.509.962	(78.368.765.406)	1.375.108.220.846	(70.561.168.695)

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800512175 ngày 27 tháng 7 năm 2015, thay đổi lần thứ 14 ngày 19 tháng 10 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp, Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu miền Tây (“WFC”) có vốn điều lệ 302.467.400.000 VND. Trong năm, Công ty đã bán 15.385.479 cổ phần WFC cho 2 cá nhân và 01 tổ chức, tổng giá bán 163.086.077.400 VND, lãi 4.802.866.516 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty sở hữu 13.611.033 cổ phiếu WFC, chiếm 45,00% vốn điều lệ (số đầu năm 28.996.512 cổ phiếu, tương đương 95,87% vốn điều lệ).

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801361391 ngày 08 tháng 10 năm 2014, thay đổi lần thứ 5 ngày 19 tháng 7 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp, Công ty Cổ phần Hạt giống TSC (“TSS”) có vốn điều lệ 190.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty sở hữu 10.950.000 cổ phiếu TSS, chiếm 57,63% vốn điều lệ (không thay đổi so với số đầu năm).

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313522734 ngày 06 tháng 11 năm 2015, thay đổi lần thứ 9 ngày 16 tháng 6 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp, Công ty Cổ phần FIT Consumer (“FIT Consumer”) có vốn điều lệ 1.460.037.500.000 VND. Trong năm, Công ty đã góp thêm 160.037.500.000 VND vào FIT Consumer. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty sở hữu 106.353.750 cổ phiếu Công ty Cổ phần FIT Consumer, chiếm 72,84% vốn điều lệ (số đầu năm 90.350.000 cổ phiếu, tương đương 69,50% vốn điều lệ).

(iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3901167137 ngày 12 tháng 7 năm 2013, thay đổi lần thứ 10 ngày 06 tháng 9 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Nông Tín có vốn điều lệ 30.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty sở hữu 2.330.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Nông Tín, chiếm 77,67% vốn điều lệ (không thay đổi so với số đầu năm).

(v) Trong năm, Công ty đã bán toán bộ 2.368.000 cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Trồng Đồng cho Bà Nguyễn Thị Hương, giá bán 35.520.000.000 VND, lãi 11.840.000.000 VND.

Tình hình hoạt động của các công ty con

Các công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	70.561.168.695	103.222.608.764
Trích lập dự phòng bổ sung/(Hoàn nhập dự phòng)	7.807.596.711	(32.661.440.069)
Số cuối năm	78.368.765.406	70.561.168.695

Giao dịch với các công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu miền Tây		
Doanh thu cho thuê tài sản	240.000.000	492.000.000
Công ty con chia cổ tức (Cổ tức các năm 2021 trở về trước)	121.495.385.280	-
Công ty Cổ phần Hạt giống TSC		
Lợi nhuận hợp tác đầu tư	-	65.928.082
Công ty Cổ phần FIT Consumer		
Góp vốn vào Công ty con	160.037.500.000	-
Lợi nhuận hợp tác đầu tư	-	827.198.015

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu về bán chứng khoán kinh doanh, thanh lý các khoản đầu tư	80.293.337.600	25.200.000.000
Ông Nguyễn Minh Huân (*)	24.999.998.000	-
Ông Phạm Đức Thắng (*)	27.000.000.000	-
Ông Trương Văn Tâm (*)	28.293.339.600	-
Bà Thạch Thị Hương Giang	-	25.200.000.000
Phải thu về bán hàng hóa, dịch vụ	65.900.671.320	15.275.852.133
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại SJ	51.721.740.000	-
Các khách hàng khác	14.178.931.320	15.275.852.133
Cộng	146.194.008.920	40.475.852.133

(*) Phải thu về bán Trái phiếu MB Bank. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính, khách hàng đã thanh toán hết công nợ cho Công ty.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Các khoản trả trước này được đánh giá không có khả năng thu hồi, đã trích lập dự phòng 100% (xem thuyết minh V.6).

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Nông sản Tân Thái Phong	2.640.025.020	2.640.025.020
Công ty TNHH Hoàng Loan	1.777.799.211	1.777.799.211
DNTN Hồng Phượng	1.000.000.000	1.000.000.000
Các nhà cung cấp khác	887.891.400	887.891.400
Cộng	6.305.715.631	6.305.715.631

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Phải thu khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan ⁽ⁱ⁾	162.293.088.429	-	129.256.816.096	-
Hợp tác đầu tư	155.510.000.000	-	125.280.000.000	-
Công ty Cổ phần Today Cosmetics	33.910.000.000	-	25.410.000.000	-
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	7.600.000.000	-	35.090.000.000	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam	114.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T	-	-	64.780.000.000	-
Lợi nhuận Hợp tác đầu tư	6.783.088.429	-	3.976.816.096	-
Công ty Cổ phần Today Cosmetics	3.379.526.787	-	1.123.225.075	-
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	467.835.616	-	1.535.397.261	-
Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam	2.935.726.026	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T	-	-	1.318.193.760	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	576.672.786.287	(3.500.000.000)	57.399.443.660	(3.500.000.000)
Tạm ứng	1.588.584	-	-	-
Hợp tác đầu tư ⁽ⁱⁱ⁾	470.050.000.000	-	53.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Hoa Sen Việt Nam	99.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Phố Hiến Việt Nam	192.300.000.000	-	53.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Trí Việt	106.750.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Trống Đồng	72.000.000.000	-	-	-
Lợi nhuận Hợp tác đầu tư ⁽ⁱⁱ⁾	9.396.345.208	-	847.828.767	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Phố Hiến Việt Nam	5.650.783.564	-	847.828.767	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Trí Việt	3.745.561.644	-	-	-
Dự thu lãi tiền gửi tiết kiệm	41.884.932	-	41.884.933	-
Ông Nguyễn Đức Tuấn ⁽ⁱⁱⁱ⁾	93.600.000.000	-	-	-
Ông Đỗ Văn Tâm	3.500.000.000	(3.500.000.000)	3.500.000.000	(3.500.000.000)
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	82.967.563	-	9.729.960	-
Cộng	738.965.874.716	(3.500.000.000)	186.656.259.756	(3.500.000.000)

(i) Các hợp đồng hợp tác đầu tư có thời hạn hợp tác từ 6 tháng đến 12 tháng, Công ty được hưởng lợi nhuận tối thiểu từ 6%-10,3%/năm.

(ii) Các khoản hợp tác với các tổ chức khác bao gồm:
Hợp tác có thời hạn hợp tác từ 6 tháng đến 12 tháng, tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất, Công ty được hưởng lợi nhuận tối thiểu từ 6%-6,5%/năm

Hợp tác đầu tư không có thời hạn với các bên nhằm mục đích đầu tư bất động sản. Lợi nhuận từ việc đầu tư này được phân chia theo tỷ lệ góp vốn giữa các bên. Trong đó, tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các hợp đồng từ 94,52% đến 95%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (iii) Khoản phải thu Ông Nguyễn Đức Tuấn theo hợp đồng ủy thác không hủy ngang ngày 07 tháng 11 năm 2022. Công ty thanh toán thay Ông Nguyễn Đức Tuấn các hợp đồng mua 7.800.000 cổ phần Công ty Cổ phần Hạt giống TSC (thời gian mua lại từ ngày 10 tháng 11 năm 2022 đến ngày 14 tháng 11 năm 2022), giá mua 93.600.000.000 VND. Ông Nguyễn Đức Tuấn có trách nhiệm hoàn trả lại cho Công ty số tiền trên trong thời gian 6 tháng kèm theo mức lãi suất 6%/năm. Khoản ủy thác được đảm bảo bằng sổ cổ phần thanh toán thay.

5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

6. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu khách hàng	65.899.652.151	(24.935.494.345)	7.660.543.619	(7.660.543.619)
DNTN Trung Đông	3.520.000.000	(3.520.000.000)	3.520.000.000	(3.520.000.000)
Maxwill (Asia) Pte Ltd	3.508.884.959	(3.508.884.959)	3.508.884.959	(3.508.884.959)
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại SJ	51.721.740.000	(14.016.266.460)	-	-
Các khách hàng khác	7.149.027.192	(3.890.342.926)	631.658.660	(631.658.660)
Trả trước cho người bán	6.305.715.631	(6.305.715.631)	5.305.715.631	(5.305.715.631)
Công ty TNHH MTV Nông sản Tân Thái Phong	2.640.025.020	(2.640.025.020)	2.640.025.020	(2.640.025.020)
Công ty TNHH Hoàng Loan	1.777.799.211	(1.777.799.211)	1.777.799.211	(1.777.799.211)
Các nhà cung cấp khác	1.887.891.400	(1.887.891.400)	887.891.400	(887.891.400)
Phải thu khác	3.500.000.000	(3.500.000.000)	3.500.000.000	(3.500.000.000)
Ông Đỗ Văn Tâm	3.500.000.000	(3.500.000.000)	3.500.000.000	(3.500.000.000)
Cộng	75.705.367.782	(34.741.209.976)	16.466.259.250	(16.466.259.250)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	16.466.259.250	19.966.259.250
Trích lập dự phòng bổ sung/(Hoàn nhập dự phòng)	18.274.950.726	(3.500.000.000)
Số cuối năm	34.741.209.976	16.466.259.250

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	17.589.337.740	966.206.523	18.555.544.263
Số cuối năm	17.589.337.740	966.206.523	18.555.544.263
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.327.072.429	966.206.523	3.293.278.952
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	15.550.180.048	966.206.523	16.516.386.571
Khấu hao trong năm	949.578.840	-	949.578.840
Số cuối năm	16.499.758.888	966.206.523	17.465.965.411

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Cộng
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	2.039.157.692	-	2.039.157.692
Số cuối năm	1.089.578.852	-	1.089.578.852

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 943.779.745 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho hạn mức tín dụng của Công ty tại Ngân hàng.

8. Tài sản cố định vô hình

Là quyền sở hữu và sử dụng lô đất tại phường An Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

9. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất	Nhà	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	71.652.812.923	6.187.542.786	77.840.355.709
Giảm do Nhà nước thu hồi đất (*)	(372.708.193)	-	(372.708.193)
Số cuối năm	71.280.104.730	6.187.542.786	77.467.647.516
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	6.187.542.786	6.187.542.786
Số cuối năm	-	6.187.542.786	6.187.542.786
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	71.652.812.923	-	71.652.812.923
Số cuối năm	71.280.104.730	-	71.280.104.730

(*) Trong năm, Công ty đã bị thu hồi 7.127 m² đất tại Hậu Giang để phục vụ Dự án Xây dựng Công trình đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn Cần Thơ – Cà Mau (qua địa bàn tỉnh Hậu Giang), giá trị được bồi thường 2.277.753.880 VND, lãi 1.905.045.607 VND

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Nhà kho Cái Sơn Hàng Bàng	6.187.542.786	6.187.542.786	-
Đất Cái Sơn Hàng Bàng - Phường An Bình	1.389.654.116	-	1.389.654.116
Đất nông nghiệp - Phường An Bình	5.863.335.957	-	5.863.335.957
Đất trồng lúa tại Hậu Giang - 11 miếng	2.478.114.657	-	2.478.114.657
Đất trồng cây lâu năm phường Long Hòa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ	36.919.000.000	-	36.919.000.000
Đất trồng lúa tại phường Long Hòa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ	24.630.000.000	-	24.630.000.000
Cộng	77.467.647.516	6.187.542.786	71.280.104.730

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lao TTL Agriculture And Industrial Development Sole Co., Ltd	6.722.987.250	7.205.996.000
Các nhà cung cấp khác	194.313.095	204.064.095
Cộng	<u>6.917.300.345</u>	<u>7.410.060.095</u>

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.240.625.636	2.662.542.037	2.241.085.637	2.662.082.036
Thuế thu nhập cá nhân	9.617.786	49.736.887	50.849.117	8.505.556
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	419.319.124	419.319.124	-
Lệ phí môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-
Cộng	<u>2.250.243.422</u>	<u>3.136.598.048</u>	<u>2.716.253.878</u>	<u>2.670.587.592</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Bán nguyên liệu thức ăn chăn nuôi Không chịu thuế
- Bán thương mại nông sản cho doanh nghiệp khác Không phải kê khai tính nộp thuế
- Dịch vụ 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	133.215.814.979	41.916.437.178
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	1.659.980.481	(3.193.625.762)
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.659.980.481	306.374.238
<i>Lỗ CLTG đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm</i>	389.279.637	79.247.452
<i>Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ</i>	1.270.700.844	227.126.786
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(3.500.000.000)
Thu nhập chịu thuế	<u>134.875.795.460</u>	<u>38.722.811.416</u>
Thu nhập được miễn thuế	(121.565.385.280)	(70.000.000)
Lỗ các năm trước được chuyển	-	(13.106.774.983)
Thu nhập tính thuế	<u>13.310.410.180</u>	<u>25.546.036.433</u>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	<u>2.662.082.036</u>	<u>5.109.207.287</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	<u>-</u>	<u>(1.532.762.186)</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>2.662.082.036</u>	<u>3.576.445.101</u>
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	460.001	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>2.662.542.037</u>	<u>3.576.445.101</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

Số dư đầu năm là chi phí lãi vay phải trả.

13. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	49.355.831.506	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động Sản F.I.T - Hợp tác đầu tư ⁽ⁱ⁾	47.700.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động Sản F.I.T – Lợi nhuận hợp tác đầu tư ⁽ⁱ⁾	1.655.831.506	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	195.353.672	193.709.932
Kinh phí công đoàn	51.921.289	49.689.805
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	-	587.744
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	143.432.383	143.432.383
Cộng	49.551.185.178	193.709.932

⁽ⁱ⁾ Khoản hợp tác đầu tư theo các hợp đồng hợp tác có thời hạn 01 tháng (đến ngày 02/01/2023). Công ty sẽ phải trả lợi nhuận cố định 12%/365 ngày mà không phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của đối tác. Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty đã hoàn trả lại toàn bộ số tiền cho đối tác.

14. Vay ngắn hạn

Khoản vay không có tài sản đảm bảo Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Trống Đồng theo hợp đồng ngày 13 tháng 9 năm 2021 để mua bán, đầu tư trên thị trường nông sản, thực phẩm chế biến xuất khẩu với lãi suất 6%/năm, thời hạn vay 06 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Vay bên liên quan</u>	<u>Vay tổ chức khác</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	-	100.000.000.000	100.000.000.000
Số tiền vay phát sinh trong năm	80.170.720.000	-	80.170.720.000
Số tiền vay đã trả trong năm	(80.170.720.000)	(100.000.000.000)	(180.170.720.000)
Số cuối năm	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Vốn chủ sở hữu**15a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	1.476.480.840.000	37.132.054.106	2.350.353.698	127.728.500	(10.499.419.648)	1.505.591.556.656
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	38.339.992.077	38.339.992.077
Số dư cuối năm trước	1.476.480.840.000	37.132.054.106	2.350.353.698	127.728.500	27.840.572.429	1.543.931.548.733
Số dư đầu năm nay	1.476.480.840.000	37.132.054.106	2.350.353.698	127.728.500	27.840.572.429	1.543.931.548.733
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền ⁽ⁱ⁾	492.108.410.000	(343.200.000)	-	-	-	491.765.210.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	130.553.272.942	130.553.272.942
Số dư cuối năm nay	1.968.589.250.000	36.788.854.106	2.350.353.698	127.728.500	158.393.845.371	2.166.250.031.675

(i) Trong năm, thực hiện Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 41/GCN-UBCK ngày 08/03/2022 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, Công ty đã phân phối 49.210.841 cổ phiếu với tổng số tiền thu được 492.108.410.000 VND, chi phí chào bán 343.200.000 VND. Ngày 19/5/2022, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã thông báo nhận được tài liệu báo cáo kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng theo Báo cáo số 18/2022/BC-TSC ngày 12/5/2022 của Công ty.

15b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	808.572.230.000	606.429.230.000
Cổ đông khác	1.160.017.020.000	870.051.610.000
Cộng	1.968.589.250.000	1.476.480.840.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15c. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	196.858.925	147.648.084
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	196.858.925	147.648.084
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	196.858.925	147.648.084

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	241,89	296,75
Euro (EUR)	171,63	182,55

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	322.159.554.646	131.414.238.850
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	260.000.000	532.000.000
Cộng	<u>322.419.554.646</u>	<u>131.946.238.850</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con.

2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn của hàng hóa đã bán.

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	197.556.620	106.944.153
Cổ tức được chia	121.565.385.280	70.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	13.072	1.488.363.051
Lãi chuyển nhượng một phần công ty con	4.802.866.516	-
Lãi bán chứng khoán kinh doanh	24.023.787.879	8.421.212.121
Lãi thanh lý khoản đầu tư khác	11.840.000.000	-
Lãi hợp tác đầu tư	23.496.731.843	5.813.568.492
Cộng	<u>185.926.341.210</u>	<u>15.900.087.817</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	3.557.970.963	1.878.804.637
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh	18.052.822	96.456.948
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	594.638.144	93.899.472
Lỗi bán chứng khoán kinh doanh (*)	20.032.595.000	-
Lỗi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	-	9.826.457.000
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) tổn thất đầu tư	8.287.359.211	(33.045.827.569)
Chi phí hợp tác đầu tư	1.655.831.506	-
Cộng	<u>34.146.447.646</u>	<u>(21.150.209.512)</u>

(*) Lỗi phát sinh từ giao dịch bán 19.300 Trái phiếu MB bank.

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	-	297.040.800
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	881.664	17.420.356
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	9.140.870
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	772.008.291
Các chi phí khác	324.181.503	340.953.031
Cộng	<u>325.063.167</u>	<u>1.436.563.348</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	711.425.290	1.254.266.505
Chi phí khấu hao tài sản cố định	949.578.840	949.578.840
Thuế, phí và lệ phí	485.804.474	465.671.848
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) nợ phải thu khó đòi	18.274.950.726	(3.500.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.223.503.821	1.128.065.313
Các chi phí khác	163.419.506	142.419.291
Cộng	<u>21.808.682.657</u>	<u>440.001.797</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ tiền bồi thường	1.905.045.607	-
Thu nhập khác	-	11.404.661
Cộng	<u>1.905.045.607</u>	<u>11.404.661</u>

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân công	711.425.290	1.551.307.305
Chi phí khấu hao tài sản cố định	949.578.840	958.719.710
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) nợ phải thu khó đòi	18.274.950.726	(3.500.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.223.503.821	1.917.493.960
Chi phí khác	974.287.147	949.044.170
Cộng	<u>22.133.745.824</u>	<u>1.876.565.145</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		<u>Tiền lương</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Năm nay				
Bà Nguyễn Thị Hoài	Chủ tịch HĐQT (từ 10/10/2022)	-	22.409.677	22.409.677
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Chủ tịch HĐQT (đến 10/10/2022)	-	45.290.323	45.290.323
Bà Bùi Thanh Hương	Thành viên HĐQT	-	36.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Trọng Thanh	Thành viên HĐQT (từ 14/6/2022)	-	19.700.000	19.700.000
Bà Nguyễn Thị Nga	Thành viên HĐQT (từ 14/6/2022)	-	19.700.000	19.700.000
Ông Phan Minh Sáng	Thành viên HĐQT (đến 14/6/2022)	-	16.300.000	16.300.000
Bà Tường Thị Thu Hạnh	Thành viên HĐQT (đến 14/6/2022)	-	16.300.000	16.300.000
Ông Đỗ Thế Cao	Thành viên HĐQT (đến 14/6/2022)	-	16.300.000	16.300.000
Bà Võ Thị Hồng Thắm	Tổng Giám đốc (từ 26/9/2022)	17.824.076	-	17.824.076
Ông Chu Thanh Quân	Tổng Giám đốc (đến 26/9/2022)	87.916.667	-	87.916.667
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng BKS	-	24.000.000	24.000.000
Ông Phạm Ngọc Hùng	Thành viên BKS (từ 14/6/2022)	-	9.850.000	9.850.000
Bà Phạm Thị Thương	Thành viên BKS (từ 14/6/2022)	-	9.850.000	9.850.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Anh	Thành viên BKS (đến 14/6/2022)	-	8.150.000	8.150.000
Bà Trần Thị Minh Phương	Thành viên BKS (đến 14/6/2022)	-	8.150.000	8.150.000
Bà Lê Thị Thương	Kế toán trưởng (từ 26/5/2022)	86.250.000	-	86.250.000
Bà Nguyễn Thị Trang	Kế toán trưởng (đến 26/5/2022)	56.255.760	-	56.255.760
Cộng		<u>248.246.503</u>	<u>252.000.000</u>	<u>500.246.503</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

		Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
<i>Năm trước</i>				
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Chủ tịch HĐQT	-	48.000.000	48.000.000
Bà Bùi Thanh Hương	Thành viên HĐQT	-	36.000.000	36.000.000
Ông Phan Minh Sáng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	559.721.910	36.000.000	595.721.910
Bà Tường Thị Thu Hạnh	Thành viên HĐQT	-	36.000.000	36.000.000
Ông Đỗ Thế Cao	Thành viên HĐQT	-	36.000.000	36.000.000
Ông Chu Thanh Quân	Tổng Giám đốc (từ 01/12/2021)	10.000.000	-	10.000.000
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng BKS (từ 26/4/2021)	-	16.266.667	16.266.667
Bà Ninh Thị Phương	Trưởng BKS (đến 26/4/2021)	-	7.733.333	7.733.333
Bà Nguyễn Thị Hồng Anh	Thành viên BKS	-	18.000.000	18.000.000
Bà Trần Thị Minh Phương	Thành viên BKS	-	18.000.000	18.000.000
Bà Nguyễn Thị Trang	Kế toán trưởng	285.165.120	-	285.165.120
Cộng		854.887.030	252.000.000	1.106.887.030

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu miền Tây	Công ty con cấp 1
Công ty Cổ phần Hạt giống TSC	Công ty con cấp 1
Công ty Cổ phần FIT Consumer	Công ty con cấp 1
Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Nông Tín	Công ty con cấp 1
Công ty Cổ phần Westfood Hậu Giang	Công ty con cấp 2
Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa	Công ty con cấp 2
Công ty Cổ phần Cap Padaran Mũi Dinh	Bên liên quan của thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Công nghệ Liên kết Truyền thông	Bên liên quan của thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ Phần Công Nghệ Xanh Goda	Bên liên quan của thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Thương Mại Thăng Long Hà Nội	Bên liên quan của thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Today Cosmetics	Bên liên quan của thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	Cùng chung Công ty mẹ
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam	Cùng chung Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T	Cùng chung Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Charlotte	Cùng chung Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas	Cùng chung Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC - Sài Gòn	Cùng chung Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thuốc Ung thư Benovas	Cùng chung Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas	Cùng chung Tập đoàn
Công ty Liên doanh Sản xuất kinh doanh, Xuất nhập khẩu Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế	Cùng chung Tập đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics		
Mua hàng của Công ty liên kết	7.985.424	3.490.920
Chuyển tiền hợp tác đầu tư	8.600.000.000	33.090.000.000
Lợi nhuận hợp tác đầu tư	642.361.644	1.518.301.371
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T		
Chi phí thuê văn phòng, gửi xe, điện nước	316.789.347	311.702.138
Chi phí tư vấn	874.014.828	669.679.060
Vay ngắn hạn	80.170.720.000	-
Lãi vay phải trả	1.174.409.319	-
Công ty Cổ phần Today Cosmetics		
Chuyển tiền hợp tác đầu tư	8.500.000.000	22.710.000.000
Lợi nhuận hợp tác đầu tư	2.256.301.712	788.092.194
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T		
Chuyển tiền hợp tác đầu tư	71.200.000.000	65.911.000.000
Lợi nhuận hợp tác đầu tư	4.839.462.733	1.766.220.063
Nhận tiền hợp tác đầu tư	206.500.000.000	-
Lợi nhuận hợp tác đầu tư phải trả	1.655.831.506	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam		
Chuyển tiền hợp tác đầu tư	114.000.000.000	-
Lợi nhuận hợp tác đầu tư	2.935.726.026	-

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5 và V.13.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực đầu tư tài chính và kinh doanh thương mại, trong một khu vực địa lý là lãnh thổ Việt Nam. Công ty không trình bày báo cáo bộ phận trong Báo cáo tài chính riêng. Thông tin về bộ phận được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

Địa chỉ: 1D Phạm Ngũ Lão, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Số liệu so sánh

Công ty đã trình bày lại số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, bao gồm:

- Trình bày lại các khoản đầu tư, phải thu về các khoản mục phù hợp;
- Trình bày lại giá trị quyền sử dụng đất Công ty sở hữu.

Ảnh hưởng của việc phân loại lại đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán				
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	180.280.000.000	(178.280.000.000)	2.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8.376.259.756	178.280.000.000	186.656.259.756
Tài sản cố định vô hình	227	-	5.610.794.083	5.610.794.083
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.610.794.083	(5.610.794.083)	-
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ				
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.990.512.645)	5.813.568.492	(176.944.153)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(5.679.032.669)	(144.330.357.189)	(150.009.389.858)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(231.594.000.000)	231.594.000.000	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	91.114.000.000	(91.114.000.000)	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.145.284.223	(1.963.211.303)	182.072.920

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 30 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Tâm

Kế toán trưởng

Lê Thị Thương

Tổng Giám đốc

Võ Thị Hồng Thắm